

Phụ lục I
KẾT QUẢ XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Đơn vị	Điểm thẩm định (Điểm tối đa 70 điểm)	Điểm điều tra XHH			Tổng điểm (Điểm tối đa 100 điểm)	Chỉ số CCHC	Xếp hạng
			Chỉ số hài lòng (Điểm tối đa 5 điểm)	Chỉ số DDCI (Điểm tối đa 5 điểm)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (Điểm tối đa 20 điểm)			
1	Sở Nội vụ	66,09	4,19	-	18,83	89,11	96,86%	Tốt
2	Thanh tra tỉnh	61,56	-	3,25	19,02	83,83	94,19%	Tốt
3	Ban Dân tộc tỉnh	61,26	-	-	17,77	79,03	94,08%	Tốt
4	Sở Giao thông vận tải	68,48	4,06	2,88	18,29	93,71	93,71%	Tốt
5	Sở Tư pháp	67,13	4,04	3,71	18,54	93,42	93,42%	Tốt
6	Sở Tài chính	63,51	-	3,11	17,97	84,59	92,95%	Tốt
7	Văn phòng UBND tỉnh	52,5	-	3,26	18,37	74,13	92,66%	Tốt
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	66,12	4,13	3,49	18,38	92,12	92,12%	Tốt
9	Sở Ngoại vụ	62,25	-	3,44	17,94	83,63	91,90%	Tốt
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	63,08	4,01	3,31	18,35	88,75	91,49%	Tốt
11	Sở Thông tin và Truyền thông	64,51	4,09	3,38	18,41	90,39	90,39%	Tốt
12	Sở Khoa học và Công nghệ	64,6	4,32	3,3	18,15	90,37	90,37%	Tốt
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63,11	4,11	3,18	18,58	88,98	88,98%	Tốt
14	Ban quản lý các Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh	63,4	4,24	3,16	17,44	88,24	88,24%	Tốt
15	Sở Y tế	61,07	4,1	3,27	17,52	85,96	85,96%	Tốt
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	65,81	3,9	3,53	18,79	92,03	92,03%	Khá
17	Sở Công Thương	67	3,97	3,56	17,45	91,98	91,98%	Khá
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	65,47	3,8	3,12	18,99	91,38	91,38%	Khá

STT	Đơn vị	Điểm thảm định (Điểm tối đa 70 điểm)	Điểm điều tra XHH			Tổng điểm (Điểm tối đa 100 điểm)	Chỉ số CCHC	Xếp hạng
			Chỉ số hài lòng (Điểm tối đa 5 điểm)	Chỉ số DDCI (Điểm tối đa 5 điểm)	Khảo sát lãnh đạo, quản lý (Điểm tối đa 20 điểm)			
19	Sở Xây dựng	59,28	3,88	2,75	17,44	83,35	83,35%	Khá
20	Sở Tài nguyên và Môi trường	56,73	4,11	2,69	18,82	82,35	82,35%	Khá
Giá trị trung bình							90,92%	